

Số: 118 /CB-KTTL-KH

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2017

**CÔNG BỐ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 26/12/2016)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1. Quá trình thành lập:

Ngày 28/5/1980 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyết định số 373/QĐ-UBT thành lập Công ty thủy nông của tỉnh. Tuy nhiên do yêu cầu đột xuất, một số cán bộ chủ chốt trong bộ máy quản lý công ty phải tham gia nghĩa vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, nên công ty chưa đủ điều kiện đi vào hoạt động, đến ngày 31/10/1989, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định số 2157/QĐ-UBT khôi phục hoạt động của công ty thủy nông, công ty chính thức đi vào hoạt động từ thời điểm này.

Ngày 28/01/1993, theo Quyết định số 46/QĐ-UBT của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, công ty thủy nông trở thành doanh nghiệp nhà nước mang tên "Công ty Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai" trực thuộc Sở Thủy lợi Đồng Nai (nay là Sở Nông nghiệp & PTNT).

Ngày 31/12/2007 Công ty chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai theo Quyết định số 4698/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Công ty là doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, hoạt động theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

1.2. Vốn điều lệ:

Theo Quyết định số 4698/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai với số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Ngày 19/5/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 4127/UBND-KT chấp thuận tăng vốn điều lệ công ty lên 350 tỷ đồng. Theo đó công ty đã xin điều chỉnh vốn điều lệ trong giấy phép kinh doanh.

2. Quá trình phát triển:

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp:

Công ty được thành lập với chức năng chủ yếu là hoạt động công ích trong lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, lấy mục tiêu đảm bảo an toàn và khai thác hiệu quả công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và đời sống là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện chương trình, mục tiêu của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội; Cung cấp nước phục vụ sản xuất công

ng nghiệp và sinh hoạt, tạo điều kiện thu hút đầu tư, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.

2.2. Mục tiêu kinh doanh:

+ Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và khai thác công trình thủy lợi. Sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

+ Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu đầu tư tại doanh nghiệp, tối đa hóa hiệu quả kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước; cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ - công nhân viên; hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao.

2.3. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Quản lý, khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi: cấp nước tưới, tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt; dịch vụ du lịch sinh thái, cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản; Quản lý, lập dự án đầu tư, giám sát và sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi.

3. Định hướng phát triển:

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp:

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và khai thác công trình thủy lợi. Sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích:

+ Phát triển bền vững, sử dụng phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên nước; Khai thác tối đa các nguồn lực, các lợi thế nhằm giữ vững vị thế là công ty chủ lực cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi.

+ Nâng cao chất lượng phục vụ tưới, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao năng lực quản lý đảm bảo đạt hiệu quả cung cấp dịch vụ thủy lợi trong tình hình biến đổi bất lợi của thời tiết.

+ Chú trọng khai thác tổng hợp nguồn nước, mở rộng đối tượng phục vụ, phát huy hiệu quả các dịch vụ khai thác tổng hợp; tăng tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, ưu tiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động các trạm quản lý khai thác, thực hiện tốt việc quản lý bảo vệ các công trình thủy lợi, bảo đảm hệ thống công trình được an toàn; có kế hoạch và biện pháp phòng chống thiên tai, chủ động chống để giảm thiểu thiệt hại.

+ Ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ, tin học vào quản lý để từng bước hiện đại hóa công tác quản lý khai thác và vận hành.

- Bảo toàn và phát triển vốn của Chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh doanh; thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên; hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao:

+ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Chủ sở hữu giao, đồng thời tăng cường các hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi, tích cực tìm kiếm đối tác khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, tăng dịch vụ có thu, ưu tiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Nâng cao chất lượng phục vụ đối với tất cả các dịch vụ công ty cung cấp. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh doanh.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình mới trong kế hoạch, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

+ Tập trung xây dựng nguồn lực, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Nâng cao năng suất lao động, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

3.2. Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2016 – 2025:

a- Chỉ tiêu sản xuất:

- Chỉ tiêu sản phẩm dịch vụ công ích:
- + Diện tích tưới: Tăng trưởng bình quân từ 6 đến 7%/năm.
- + Ngăn mặn, xả phèn: Đảm bảo diện tích ngăn mặn, xả phèn luôn đạt 5.938ha.
- Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu: Cung cấp nước công nghiệp và sinh hoạt tăng trưởng bình quân từ 15 đến 16%/năm.

b- Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu tăng trưởng bình quân tăng từ 7 đến 8%/năm.
- Lợi nhuận tăng trưởng bình quân tăng từ 7 đến 8%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 0,47%.
- Nộp ngân sách nhà nước tăng bình quân từ 8 đến 9%/năm.

c- Kế hoạch đầu tư phát triển:

Đối với các dự án đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh thực hiện theo danh mục các dự án đầu tư công trung hạn trong từng giai đoạn và từ nguồn vốn sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 – 2020:

1. Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao hiệu quả quản lý, phát huy tối đa tiềm năng và năng lực công trình hiện có, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, sẵn sàng phục vụ nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tích cực tìm kiếm đối tác khai thác lồng hợp công trình thủy lợi, tăng dịch vụ có thu, ưu tiên cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thích nghi, né tránh để giảm tổn thất, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, hồ, đập. Dẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình mới trong kế hoạch, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ công ích:

- Diện tích tưới tiêu nông nghiệp bình quân đến năm 2020 đạt 26.938ha tăng 12% so với thực hiện giai đoạn 2011 – 2015. Trong đó có 30% diện tích canh tác lúa thực hiện phương thức canh tác tiên tiến tưới (nông-lộ-phơi) và 1.700ha cây trồng cận chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.
- Ngăn mặn, xả phèn đạt 100%.
- Cấp nước công nghiệp: đến năm 2017 đạt 20.000.000m³ đến năm 2020 đạt 30.153.558m³ tăng 88% so với thực hiện giai đoạn 2011 – 2015.

2.2. Kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu (tỷ đồng)	27,270	26,603	29,251	32,679	35,737
2	Lợi nhuận (tỷ đồng)	4,435	4,448	4,880	5,340	5,831
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH (%)	0,8%	0,61%	0,53%	0,49%	0,48%
4	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	2,143	2,219	2,503	2,870	3,260
5	Các sản phẩm chủ yếu:					
	- Diện tích tưới (ha)	23.488	23.565	26.967	29.489	31.180
	- Ngăn mặn xả phèn (ha)	5.938	5.938	5.938	5.938	5.938

2.3. Lao động, tiền lương:

a. Lao động:

Kế hoạch lao động để đảm bảo hoạt động quản lý và khai thác đến năm 2020 của Công ty bình quân là 110 người.

b. Tiền lương:

Tổng quỹ lương giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty là 54.698.262.000 đồng. Trong đó:

- Tổng quỹ lương, thù lao của người quản lý: 13.680.000.000 đồng.
- Tổng quỹ lương của người lao động: 41.018.262.000 đồng.

3. Kế hoạch triển khai:

3.1. Chỉ tiêu các sản phẩm dịch vụ công ích:

- Công tác tưới phục vụ nông nghiệp: Mục tiêu tưới phục vụ nông nghiệp kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 với tổng diện tích 134.690ha. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 5,8%.
- Công tác ngăn mặn: giai đoạn 2016 – 2020 diện tích ngăn mặn xả phèn vẫn đảm bảo 5.938ha.

3.2. Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu – Công tác cấp nước công nghiệp, sinh hoạt:

Trên cơ sở tình hình phát triển, mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp dùng nước và dự kiến các hồ chứa mới do công ty quản lý trong giai đoạn tới. Công ty xây dựng kế hoạch cấp nước công nghiệp, sinh hoạt của 5 năm (2016-2020) là 119.724.861m³, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 13,9%.

3.3 Doanh thu:

Căn cứ tình hình thực hiện hợp đồng, dự kiến các nguồn thu từ cấp nước công nghiệp và thu khác, công ty xây dựng kế hoạch tổng nguồn thu 5 năm (2016 – 2020) là 151.541.930.000 đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 6,48%

3.4. Chi phí:

Trong giai đoạn 2016 – 2020 công ty xây dựng kế hoạch tổng chi phí là 126.606.086.000 đồng với tốc độ tăng bình quân là 5,99%.

3.5. Nộp ngân sách:

Trên cơ sở nguồn thu và các quy định về các khoản thuế hiện hành, Công ty xây dựng kế hoạch nộp ngân sách giai đoạn 2016 – 2020 là 12.997.763.000 đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 8,92%.

3.6 Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2016 ước là 551.221.006.000 đồng và dự kiến đến năm 2020 là 1.207.535.006.000 đồng.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 0,58%, do các công trình được đầu tư xây dựng nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động công ích như tưới, điều tiết lũ, nên không làm tăng lợi nhuận.

3.7. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 – 2020:

Đối với các dự án đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 từ nguồn ngân sách tỉnh thực hiện theo danh mục các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và từ nguồn vốn dự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

4. Các giải pháp thực hiện:

4.1. Giải pháp về tài chính:

- Dẩy nhanh tiến độ thực hiện của các dự án để sớm đưa vào khai thác, sử dụng đảm bảo các chỉ tiêu đã đăng ký kế hoạch như: Tưới, cấp nước công nghiệp và sinh hoạt.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp có nhu cầu dùng nước trên các công trình do Công ty quản lý để tăng nguồn thu.

4.2. Giải pháp về sản xuất:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi giai đoạn 2016 – 2020 để phát huy tối đa năng lực thiết kế của công trình.

- Theo dõi nắm bắt tình hình diễn biến khí hậu để vận hành, điều tiết nước phù hợp với hình thức tưới của từng loại cây trồng và đảm bảo đủ lượng nước để cung cấp cho công nghiệp.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình kịp thời, tránh công trình bị hư hỏng, xuống cấp, đảm bảo vận hành an toàn và phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với các địa phương trong việc bố trí, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tiết kiệm nước.

- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ quản lý khai thác theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4.3. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Hoàn thiện các quy chế, chính sách hiện có của công ty để thu hút và giữ lao động gắn bó lâu dài với Công ty như chính sách về tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi,... cho người lao động.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cũng như công tác quản lý cho cán bộ nhân viên công ty để đáp ứng yêu cầu mới.

Trên đây là nội dung công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2016 – 2020) của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai công bố trên cổng thông tin điện tử của Công ty. /.

Nơi nhận:

- CT, HĐQT; KSV;
- BGD Công ty;
- P. TC-HC, P. KH-KT
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Kiều